

THÁCH THỨC CỦA ĐÔ THỊ HÓA TỰ PHÁT Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THU NHUNG

Tóm tắt: Đô thị hóa tự phát là sự mở rộng của đô thị mà không có một sự quy hoạch nào cụ thể và liên quan sự gia tăng cơ học về dân số ở một khu vực hoặc quá trình tự chuyển đổi khu vực nông thôn thành khu vực thành thị, dẫn đến sự “mắc kẹt” của một số bộ phận dân cư ở khu vực đó. Bên cạnh vai trò góp phần gia tăng kết nối, hội nhập giữa thành thị với nông thôn, gắn kết xã hội, quá trình đô thị hóa tự phát cũng đặt ra những vấn đề về mặt xã hội, môi trường đáng lưu tâm. Với các nguồn dữ liệu là các nghiên cứu liên quan đến đô thị hóa, đô thị hóa tự phát, kết hợp với các nguồn thông tin được thu thập trong các chuyến khảo sát thực địa tại các địa phương từ 2020 - 2023, bài báo đã phân tích sự tồn tại của mật độ dân cư cao, tình trạng quá đông đúc, mạng lưới thoát nước kém hoặc thiếu cơ sở hạ tầng cơ bản tại Việt Nam nhằm làm rõ những thách thức của quá trình đô thị hóa tự phát.

Từ khóa: đô thị hóa tự phát, cơ hội, thách thức

CHALLENGES OF SPONTANEOUS URBANIZATION IN VIETNAM

Abstract: Spontaneous urbanization is the expansion of urban areas without any specific planning and involves the mechanical increase in population within an area or the process of spontaneous transformation of rural areas into urban areas, leading to the "stranding" of some population segments in those areas. In addition to its contribution in increasing connection and integration between urban and rural areas as well as social cohesion, the process of spontaneous urbanization also creates social and environmental issues worth paying attention to. With data sources which are research related to urbanization and spontaneous urbanization combined with information sources collected during field surveys at localities from 2020 to 2023, this article analyzed the existence of high-density population, overcrowding status, poor or insufficient drainage networks and basic infrastructure in Vietnam to clarify challenges of spontaneous urbanization.

Keywords: spontaneous urbanization, opportunity, challenge

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đô thị hóa là một xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển, được biểu thị bằng sự chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp (đặc trưng là trồng trọt và tự cung tự cấp) sang xã hội công nghiệp (đặc trưng là những người chiếm ưu thế sống ở khu vực thành thị và làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp) [5]. Khi ngày càng có nhiều người chuyển đến các thành phố để tìm kiếm cơ hội tốt hơn, quá trình đô thị hóa đã trở thành động lực chính cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa đó đã kéo theo sự bùng

nổ về mặt dân số chủ yếu liên quan đến sự di dân từ nông thôn sang thành thị để tìm kiếm các cơ hội việc làm và cơ hội kinh doanh. Sự tiếp xúc với các giá trị, thói quen và lối sống tích lũy của thành thị, kết hợp với sự cố gắng tái tạo làng quê thành phiên bản nhỏ của thành thị đã dần thay đổi văn hóa và lối sống của cộng đồng. Kết hợp với sự phân hóa lại cơ cấu nội tại của khu vực nông thôn (không gian và dân số) và sự thay đổi về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật đã dẫn đến tình trạng đô thị hóa tự phát. Vậy đô thị hóa tự phát là gì? Nếu như đô thị hóa được định nghĩa

là sự gia tăng tự phát tỷ lệ dân số quốc gia hoặc khu vực sống ở các thành phố theo quy hoạch với mong muốn cải thiện điều kiện kinh tế xã hội của một người thì đô thị hóa tự phát được hiểu theo nghĩa mở rộng và trái ngược, đó là sự mở rộng của đô thị mà không có một sự quy hoạch nào cụ thể, nó tự phát triển gây nên bởi sự gia tăng cơ học về dân số của một khu vực hoặc vùng hoặc sự chuyển hóa không theo quy hoạch của những vùng nông thôn thành những khu vực đô thị.

Qua các nghiên cứu tài liệu cũng như ghi chép trong các chuyến khảo sát thực địa cho thấy, không phải tất cả quá trình đô thị hóa đều được quy hoạch hoặc kiểm soát, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Ở nhiều nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, đô thị hóa tự phát là hiện tượng phổ biến, thiếu sự kiểm soát của các cấp chính quyền. Điều đó dẫn đến việc hình thành các khu dân cư không đồng nhất về mặt quy hoạch, thiếu cơ sở hạ tầng hoặc dịch vụ phù hợp và an sinh xã hội. Bên cạnh vai trò quan trọng trong việc kết nối, hội nhập giữa thành thị với nông thôn và gắn kết xã hội thì quá trình đô thị hóa tự phát cũng đặt ra những vấn đề về mặt xã hội và môi trường đáng lưu tâm. Có thể đề cập đến một số ví dụ điển hình trên Thế giới, Kibera là một trong những khu định cư không chính thức lớn nhất ở Nairobi, Kenya, với dân số hơn 200.000 người. Việc thiếu các dịch vụ cơ bản như nước, vệ sinh và điện là một thách thức lớn đối với cư dân sống ở Kibera. Nhiều sáng kiến khác nhau đã được thực hiện để nâng cấp khu định cư và cải thiện điều kiện sống của cư dân. Hoặc Dharavi là một trong những khu định cư không chính thức lớn nhất ở Mumbai, Ấn Độ, với dân số hơn 1 triệu người. Mặc dù nổi tiếng là khu ổ chuột, Dharavi là một cộng đồng sôi động với nền kinh tế phi chính thức phát triển

manh. Nhiều biện pháp can thiệp khác nhau đã được đề xuất để nâng cấp khu định cư và biến nó thành một khu đô thị bền vững.

Ở Việt Nam, từ sau Đổi mới (1986), cùng với các chính sách tạo điều kiện cho quá trình phát triển đô thị, quá trình đô thị hóa đã có những bước chuyển mình đáng kể. Ở giai đoạn 2000-2010, Việt Nam bắt đầu đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Về không gian, các khu đô thị của Việt Nam tăng 2,8%/năm, nằm trong số các nước có tỷ lệ tăng nhanh nhất khu vực. Về gia tăng dân số đô thị, đạt tốc độ tăng hơn 3%/năm. Việt Nam là một trong những nước có tốc độ đô thị hóa nhanh trong khu vực Đông Á. Giai đoạn 2011-2020, tốc độ đô thị hóa mạnh mẽ đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng trưởng kinh tế đô thị bình quân ở mức 12 - 15%/năm, gấp 1,2 - 1,5 lần tăng trưởng của nền kinh tế. Năm 2020, ước tính kinh tế đô thị đóng góp khoảng 70% GDP cả nước [11].

Đô thị hóa không chỉ chuyển dịch về không gian đô thị, không gian kinh tế mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, kiến tạo hình ảnh đô thị khang trang, xanh, sạch đẹp, cuộc sống đô thị văn minh hiện đại và giảm nghèo tại đô thị ở Việt Nam. Hiện nay, hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội, hạ tầng số đã được quan tâm đầu tư, tăng quy mô và cải thiện chất lượng phục vụ. Chất lượng sống tại đô thị từng bước được nâng cao, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm; sự phát triển của một số đô thị đã tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại ở hầu hết các thành phố một nhóm dân số bị “mắc kẹt” tại đó và để lại những thách thức lớn cho xã hội. Khu đô thị Long Biên ở Hà Nội

là một ví dụ điển hình về đô thị hóa tự phát tại Việt Nam. Với việc xây dựng không tuân thủ quy hoạch, thiếu hụt hạ tầng và dịch vụ cơ bản, khu vực này đang đối mặt với nhiều vấn đề về môi trường, kinh tế và xã hội.

Với những phân tích trên, bài viết này sẽ tìm hiểu và làm rõ những thách thức của quá trình đô thị hóa tự phát ở Việt Nam.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu được sử dụng trong bài báo được khai thác từ các tài liệu nghiên cứu về đô thị hóa, đô thị hóa tự phát của các nghiên cứu trong và ngoài nước dưới dạng các ấn phẩm được đăng trên dữ liệu trực tuyến.

Thu thập tài liệu, phân tích dữ liệu theo quan điểm tổng hợp là phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong bài báo. Ngoài ra, một số ghi nhận về đô thị tự phát trong các chuyến khảo sát thực địa tại một số địa phương trong giai đoạn 2020 - 2023 cũng được sử dụng trong bài viết này.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đô thị hóa tự phát tại Việt Nam

Quá trình đô thị hóa chính là cơ hội để Nhà nước tổ chức, quy hoạch lại cách thức hoạt động của đô thị, dân cư. Theo đó, các khu vực có tiềm

năng phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội sẽ được quy hoạch theo hệ thống hiện đại. Các khu vực chưa có điều kiện kinh tế xã hội hoặc mật độ dân số thấp sẽ được điều chỉnh các ngành nghề, quy hoạch phù hợp để tăng cơ hội phát triển trong tương lai. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, sự đô thị hóa đạt ở ngưỡng vượt mức sẽ dẫn đến tình trạng đô thị hóa tự phát, khi đó, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến đô thị hóa chính thức bởi:

Thứ nhất, đô thị hóa tự phát ở Việt Nam thường diễn ra một cách phi chính thức, tức là không tuân thủ theo các quy định và quy hoạch của địa phương. Người dân tự ý xây dựng nhà cửa mà không cần phải tuân thủ các quy định về quy hoạch đô thị, dẫn đến sự không đồng nhất về mặt kiến trúc và hạ tầng.

Thứ hai, sự thiếu hụt hạ tầng và dịch vụ cơ bản là biểu hiện rõ nhất của đô thị hóa tự phát ở Việt Nam. Các khu dân cư tự phát thường thiếu nước sạch, điện, đường đi, trường học và bệnh viện, gây khó khăn cho cuộc sống hàng ngày của người dân sinh sống trong khu vực đó.

Thứ ba, do không tuân thủ theo quy hoạch đô thị chính thức, các khu dân cư tự phát thường đối mặt với vấn đề pháp lý. Người dân không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đất đai, dẫn đến tình trạng tranh chấp về quyền lợi và thuế đất không được đóng đủ.

Bảng 1. Đặc điểm của đô thị hóa và đô thị hóa tự phát ở Việt Nam

Đặc điểm	Đô thị hóa tự phát	Đô thị hóa chính thức
Quy hoạch	Không tuân thủ	Tuân thủ
Hạ tầng	Thiếu hụt	Được đầu tư
Dịch vụ cơ bản	Thiếu nhiều	Đầy đủ
Pháp lý	Không rõ ràng	Rõ ràng

Nguồn: Tổng hợp từ các nguồn tài liệu, ghi chép từ các chuyến khảo sát thực địa

Qua ghi nhận thực tế cho thấy, đô thị hóa tự phát ở Việt Nam được thể hiện chính ở 02 khu vực: ở các thành phố lớn và ở các vùng nông thôn.

- *Đô thị hóa tự phát ở các thành phố lớn:* trong những năm gần đây, các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đã chứng

kiến sự gia tăng đáng kể của dân số do đô thị hóa tự phát. Các khu vực ven thành phố phát triển mạnh mẽ, thu hút người dân từ các vùng miền khác đổ về sinh sống và làm việc. Điều này dẫn đến tình trạng quá tải về cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường, thiếu hụt nhà ở và các vấn đề xã hội khác. Một ví dụ về biểu hiện của đô thị hóa tự phát ở Hà Nội: (1) tăng dân số: dân số của Hà Nội đã tăng đột biến trong những năm qua do sự di dời từ các vùng quê lên đô thị; (2) thiếu hụt nhà ở: số lượng căn hộ chung cư không đủ cung cấp cho nhu cầu của dân số, dẫn đến tình trạng nhà ở không đảm bảo; (3) ô nhiễm môi trường: việc tăng cường giao thông và xây dựng dẫn đến ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở Hà Nội.

- *Đô thị hóa tự phát ở các vùng nông thôn:* ngoài các thành phố lớn, đô thị hóa tự phát cũng đang diễn ra mạnh mẽ ở các vùng nông thôn của Việt Nam. Những khu vực này thường gặp phải vấn đề về quản lý đất đai, cơ sở hạ tầng kém, thiếu hụt dịch vụ công cộng và tiêu cực hóa môi trường sống. Vùng nông thôn miền Trung trong những năm gần đây đã có biểu hiện rất rõ về đô thị hóa tự phát: (1) quản lý đất đai không hiệu quả, việc chia nhỏ đất đai để chia cho con cháu dẫn đến lãng phí và không hiệu quả trong sử dụng đất đai; (2) cơ sở hạ tầng kém, thiếu hụt đường giao thông, trường học, bệnh viện dẫn đến cuộc sống thiếu tiện nghi cho người dân; (3) tiêu cực hóa môi trường sống, việc xây dựng không kiểm soát dẫn đến việc thiếu không gian xanh, ô nhiễm môi trường.

Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên là sự di cư nông thôn - thành thị để tìm kiếm việc làm, giáo dục và mức sống cao hơn. Dòng người di cư này gây áp lực lên cơ sở hạ tầng và dịch vụ đô thị, dẫn đến sự phát triển nhanh chóng và không có kế hoạch của các khu định cư không chính thức. Bên cạnh đó, giá cả tại các đô thị

chính thức ở Việt Nam khá cao, đặc biệt đối với các cá nhân và gia đình có thu nhập thấp. Kết quả là, nhiều người di cư buộc phải định cư tại các khu định cư không chính thức, nơi nhà ở có giá cả phải chăng hơn, mặc dù chất lượng thấp hơn và không được tiếp cận các dịch vụ cơ bản như nước và vệ sinh. Ngoài ra, cần phải nhìn nhận khách quan nguồn lực và năng lực của các cấp chính quyền ở Việt Nam trong việc lập kế hoạch và quản lý phát triển đô thị một cách hiệu quả. Điều này có thể dẫn đến việc thiếu cơ sở hạ tầng, dịch vụ và quy định phù hợp ở các khu định cư không chính thức, làm trầm trọng thêm những thách thức liên quan đến đô thị hóa tự phát.

3.2. Thách thức của vấn đề đô thị hóa tự phát

3.2.1. Gia tăng sức ép lên môi trường

Đô thị hóa tự phát có những tác động tiêu cực rất lớn đến môi trường. Sự mở rộng nhanh chóng của các đô thị dẫn đến nạn phá rừng, ô nhiễm không khí, nước và mất đa dạng sinh học. Các khu định cư không chính thức thường thiếu hệ thống quản lý chất thải thích hợp, làm trầm trọng thêm tình trạng suy thoái môi trường ở khu vực thành thị.

Chất lượng môi trường và vệ sinh đô thị là những vấn đề lớn mà Việt Nam đang phải đối mặt và tình trạng này trở nên trầm trọng hơn ở các khu vực trung tâm với mật độ dân số cao. Mặc dù thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường của Bộ Xây dựng nhưng môi trường đô thị vẫn chưa giải quyết được các vấn đề chính. Hệ thống chứa nước mưa do dân tự xây và các hồ chứa tự nhiên đều được sử dụng làm phương tiện thoát nước ở nhiều khu vực đô thị. Hiện tượng ô nhiễm trầm trọng nguồn nước ở nơi đây là không thể tránh khỏi.

Tình trạng ngập lụt vào mùa mưa ở khu vực đô thị của Việt Nam cũng là tình trạng đang dần

trở nên phổ biến. Chính phủ đã có chính sách ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước và nước thải ở đô thị với mục tiêu đến năm 2020 xoá bỏ tình trạng ngập úng thường xuyên trong mùa mưa tại các đô thị nhưng không thể đạt được mục tiêu đề ra bởi xuất phát điểm quá thấp. Hầu hết các đô thị tự phát chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải có tổ chức.

Ngoài ra, xử lý chất thải rắn an toàn cũng đang là vấn đề lớn ở Việt Nam. Trong số 91 bãi xử lý rác chỉ có 19 bãi được cho là đáp ứng vệ sinh với hệ thống thu gom và xử lý nước rác rời. Những thị trấn nhỏ lại đang đối mặt với vấn đề quản lý chất thải rắn. Những năm gần đây, một tỷ lệ lớn người dân chuyển sang các loại hình sản xuất phi nông nghiệp và mức tiêu thụ của người dân cũng thay đổi, do vậy các chương trình tái chế rác trước đây bị quá tải với một lượng rác khổng lồ gây nguy hại cho chất lượng đất cũng như sức khỏe người dân.

3.2.2. Gây sức ép tới quy hoạch và quản lý đô thị

Một trong những khó khăn lớn nhất mà quá trình đô thị hóa tự phát gây ra chính là vấn đề quy hoạch và quản lý đô thị. Việc thiếu vắng định hướng phát triển đô thị rõ ràng, cùng với sự yếu kém trong sự vào cuộc của chính quyền địa phương đã trực tiếp dẫn tới sự lộn xộn, thiếu đồng bộ trong quy hoạch đô thị. Hệ quả là cảnh quan đô thị không bảo đảm tính thẩm mỹ, tạo nên hệ lụy về an sinh xã hội và môi trường. Nguyên nhân gốc rễ của tình trạng này chủ yếu đến từ xung đột đất đai cũng như tình trạng thiếu hụt nguồn cung đất dành cho việc xây dựng nhà ở. Bên cạnh đó, cơ cấu nguồn cung nhà ở cũng bộc lộ hạn chế khi chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các tầng lớp xã hội. Các hộ có thu nhập thấp thường không đủ nguồn lực tài chính để chi trả, thuê

những căn nhà xây mới hoặc cải tạo, chỉnh trang nhà ở hiện tại của mình.

Đô thị hóa tự phát còn đặt ra những thách thức đáng kể đối với việc quy hoạch và phát triển hạ tầng đô thị, đặc biệt là ở các khu vực dân cư nghèo. Sự gia tăng nhanh chóng của dân số đô thị mà không có quy hoạch hợp lý đã dẫn đến nhiều vấn đề, trong đó có:

- Áp lực lên các dịch vụ cơ bản như điện, nước sạch và vệ sinh là những dịch vụ thiết yếu của đô thị. Đô thị hóa tự phát dẫn đến sự gia tăng nhu cầu đối với các dịch vụ này, gây căng thẳng cho các hệ thống hạ tầng hiện có và đòi hỏi chi phí đầu tư lớn để mở rộng. Mặc dù các dịch vụ điện có thể đảm bảo tính độc lập về tài chính, nhưng việc sử dụng điện không hợp lý và mất mát năng lượng cao vẫn là những vấn đề phổ biến. Hệ thống cấp nước trong các khu đô thị hóa tự phát thường không được quản lý tốt, dẫn đến tình trạng thiếu nước sạch và chất lượng nước kém, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân. Hệ thống nhà vệ sinh và bể phốt tự hoại được sử dụng phổ biến ở các khu đô thị hóa tự phát gây ô nhiễm nghiêm trọng cho nguồn nước ngầm và các nguồn nước khác.

- Nước thải và ô nhiễm nước cũng trở thành những vấn đề nghiêm trọng trong các khu đô thị hóa tự phát. Hệ thống thoát nước không đầy đủ và thiếu nhà máy xử lý nước thải khiến nước thải đổ trực tiếp vào các nguồn nước, gây ô nhiễm và làm tăng nguy cơ dịch bệnh.

- Mạng lưới cấp thoát nước tại các khu đô thị hóa tự phát thường thuộc quản lý của các doanh nghiệp nhà nước, vẫn chịu ảnh hưởng của hệ thống quản lý bao cấp. Việc đầu tư cho hệ thống thoát nước và xử lý nước là rất tốn kém. Do đó, tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận với dịch vụ này rất thấp và lượng nước được xử lý chỉ chiếm một phần rất nhỏ. Số liệu tổng điều tra của Tổng cục

Thống kê cho thấy chỉ 63,5% dân số đô thị được tiếp cận với nước sạch, an toàn, đã qua xử lý. Nhưng theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến năm 2010 có khoảng 84% dân số đô thị được tiếp cận với nguồn nước sạch. Tuy nhiên, con số này vẫn chưa đạt được mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 là 95% dân số đô thị tiếp cận với nguồn nước sạch, an toàn. Tỷ lệ thất thoát nước vẫn còn cao, khoảng 20% ở các khu đô thị [1].

Một vấn đề lớn nữa là giao thông đô thị. Các khu đô thị phát triển nhanh đang gây ra những thách thức cho giao thông đô thị. Tất cả các thành phố đều thiếu phương tiện giao thông công cộng. Xe bus là phương tiện công cộng chính nhưng không đáp ứng được nhu cầu ngày càng gia tăng. Mặc dù, hệ thống metro ngầm hay ở trên cao đã được triển khai ở hai thành phố lớn, nhưng quy mô vẫn đang dừng ở đáp ứng một phần về nhu cầu giao thông công cộng và hơn nữa hiện vẫn trong quá trình triển khai xây dựng. Tính đến nay, Việt Nam là nước thứ 2 trên thế giới có tỷ lệ hộ gia đình sở hữu xe gắn máy (86%) sau Thái Lan (87%) (theo thống kê của World Atlas) và tỷ lệ tai nạn giao thông cao, năm 2022 xảy ra 11.450 vụ tai nạn giao thông (số liệu thống kê của Bộ Công An). Cơ giới hóa tăng nhanh gây ra tắc nghẽn các tuyến đường đô thị, ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm không khí (nồng độ bụi và nồng độ chì ở một số tuyến giao thông vượt mức cho phép). Theo bảng xếp hạng IQ AIR, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đều nằm trong top 10 thành phố có mức độ ô nhiễm không khí cao nhất trên thế giới. Bên cạnh đó rác thải sinh hoạt và sản xuất chưa được xử lý xả thẳng xuống các dòng sông, kênh rạch làm ô nhiễm thêm môi trường đô thị.

3.2.3. Gây suy giảm đa dạng sinh học và các dịch vụ của hệ sinh thái

Đô thị hóa tự phát góp phần làm thay đổi độ che phủ đất, là động lực toàn cầu quan trọng dẫn đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phá rừng [7]. Việc mở rộng các khu vực đô thị thường làm thay đổi cấu hình và khả năng kết nối của môi trường sống, từ đó có thể gây ra những tác động tiêu cực đến sự phân tán của các loài [4, 6]. Ở khu vực đô thị ven biển các công trình lấn biển quy mô lớn nhằm phát triển đô thị là một nhân tố chính làm suy thoái các hệ sinh thái ven biển với việc giảm thiểu quần thể sinh vật, đất ngập nước, đất ngập mặn, bãi triều và rừng ngập mặn ven biển [11].

3.2.4. Góp phần giảm tỷ lệ sinh, già hóa dân số và gia tăng nghèo đói, bất bình đẳng

Đô thị hóa tự phát có liên quan đến những thay đổi trong các chuẩn mực văn hóa và xã hội đã được thiết lập, chẳng hạn như sự tham gia ngày càng tăng của phụ nữ vào lực lượng lao động, tỷ lệ sinh thấp hơn và dân số già đi [10].

Về mặt xã hội, đô thị hóa tự phát sẽ dẫn đến tình trạng:

- Gia tăng nghèo đói và bất bình đẳng: Các nhóm yếu thế như phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi thường ít có cơ hội kinh tế và dễ bị gạt ra ngoài lề xã hội ở các thành phố vì yêu cầu tay nghề cao đối với các ngành dịch vụ đô thị. Theo Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2012, gần 32,1% dân số đô thị Việt Nam sống ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, nhưng chỉ chiếm 11% người nghèo đô thị. Ngược lại, các thị trấn cấp tỉnh loại 4 và 5 chiếm tổng cộng 27,3% dân số đô thị nhưng lại có tới 55% người nghèo đô thị.

- Gia tăng nguy cơ mắc bệnh: Sự kết hợp giữa mất an ninh lương thực, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường làm tăng nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm và lây nhiễm cho cư dân đô thị, đặc biệt ở các đô thị tự phát. Đại dịch COVID-19 đã phơi bày rõ sự khác biệt về y tế

khi các khu dân cư đô thị theo quy hoạch có bệnh viện và cơ sở y tế được trang bị tốt hơn, trong khi các cộng đồng ở đô thị tự phát phải đối mặt với khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe hạn chế. Ngay cả trong giai đoạn đầu của việc phân phối vắc-xin, các khu dân cư này cũng bị chậm hơn. Do đó, việc cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe là rất quan trọng để đối phó với các đại dịch và dịch bệnh bùng phát trong tương lai.

Tương tự như trên thế giới, vấn đề chăm sóc sức khỏe cho người dân đô thị tại Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều vấn đề cấp thiết:

- Thiếu hụt giường bệnh: Đô thị là nơi tập trung các bệnh viện lớn, các bác sĩ giỏi, nhưng tốc độ đô thị hóa nhanh cùng với lượng lớn người dân ngoại tỉnh tạm trú đến khám chữa bệnh khiến cho số lượng giường bệnh không đáp ứng đủ nhu cầu.

- Môi trường ô nhiễm: Môi trường ô nhiễm dẫn đến tình trạng gia tăng các bệnh dịch như sốt xuất huyết, dịch tả tại các đô thị Việt Nam, trong khi đó kinh phí và cơ sở hạ tầng y tế tại Việt Nam chưa đáp ứng được.

Sự chênh lệch về văn hoá và mức sống giữa các tầng lớp cư dân đô thị ngày càng lớn, dẫn đến sự mất cân bằng trong sinh thái đô thị, nhất là giữa dân số và việc làm, giữa dân số và thu nhập, giữa dân số và kết cấu hạ tầng... Cơ chế thị trường đã làm cho dân cư đô thị nước ta bị phân hoá sâu sắc, một bộ phận dân cư giàu lên nhanh chóng bên cạnh tầng lớp nghèo, lang thang cơ nhỡ, sống tạm bợ trong các khu nhà ổ chuột, thiếu các điều kiện tối thiểu, không có cơ hội được hưởng đầy đủ các chính sách an sinh xã hội. Một kết quả nghiên cứu vấn đề nghèo đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: mức sống của người nghèo thấp hơn người giàu 7 lần. Do thu nhập thấp, các hộ nghèo phải dành 80%

thu nhập chi cho bữa ăn hằng ngày (nhưng vẫn không đủ), chỉ còn 20% dành cho học hành, chữa bệnh, đi lại; gần 20% trẻ em trong độ tuổi không được đến trường, cũng gần bằng số đó là con của các hộ nghèo phải bỏ học, số trẻ em suy dinh dưỡng chiếm 38,8%. Các vấn đề này tác động tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống, tình cảm và tâm lý dân cư đô thị, từ đó có thể dẫn đến các phức tạp xã hội [10].

3.2.5. Gia tăng áp lực cho an ninh đô thị và bảo tồn văn hóa đô thị

Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng, trật tự đô thị chưa được đảm bảo. Theo thống kê của các cơ quan bảo vệ pháp luật, tỷ lệ tội phạm xảy ra ở khu vực thành thị trung bình hàng năm ở vào khoảng 70-75% so với cả nước, riêng 4 thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh) chiếm 45-50%. Trật tự và văn minh đô thị chưa được lập lại, tình trạng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, vệ sinh công cộng còn rất phổ biến. Và cuối cùng là, nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hoá, không gian văn hoá đô thị bị phá vỡ. Tất cả các vấn đề trên đang tác động làm biến đổi văn hoá đô thị. Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do công tác quản lý nhà nước về đô thị và quản lý nhà nước về văn hoá của ta còn yếu kém, bất cập [10].

Bảo tồn văn hoá trong quá trình đô thị hóa cũng là một vấn đề lớn trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng. Địa-văn hoá Việt Nam rất đa dạng và phong phú nhưng đô thị mới lại có xu hướng đơn điệu, phi bản sắc với chia lô nhà ống, hàng nhái và giả cổ, nhà dự án đô thị-phòng ngủ buồn tẻ, thiếu vắng cây xanh, thiếu chiều sâu về thiên nhiên và cội nguồn văn hoá.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Đô thị hóa chính là động lực phát triển toàn diện nền kinh tế. Việc đầu tư vào các đô thị có

thể đạt được nhiều lợi thế kinh tế. Các quốc gia phát triển luôn tận dụng được lợi thế tối đa của quá trình đô thị hóa song song với thúc đẩy thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, đối với các quốc gia đang phát triển (trong đó có Việt Nam), tốc độ đô thị hóa cao sẽ dẫn đến sự tập trung quá đông dân cư cùng sự tự chuyển đổi từ trong nội vùng nông thôn đã gây ra tình trạng đô thị hóa tự phát. Điều đó đã làm tạo ra áp lực lớn đến xã hội, văn hóa

và môi trường. Nếu các tác động này diễn ra đồng thời và không có những biện pháp ứng phó kịp thời sẽ trở thành cuộc khủng hoảng.

Do đó, phát triển đô thị cần được phân tích dưới góc độ đa chiều để thấy rõ được những thách thức sẽ phải đối mặt trong tương lai, các phân tích không chỉ dừng ở nhu cầu và khả năng mà còn phải dự báo được xu thế phát triển của đô thị để giảm thiểu tình trạng tự phát trong quá trình phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Acomm C (2018). Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-2011-2020-1527>, truy cập 13/1/2024.
2. Asean Sustainable Urbanisation Report (2022). *Sustainable Cities towards 2025 and Beyond*. <https://asean.org/book/asean-sustainable-urbanisation-report/>.
3. Asia-Pacific population and development report (2023). In: ESCAP. <https://www.unescap.org/kp/2023/asia-pacific-population-and-development-report-2023>. Accessed 1 Jan 2024
4. Güneralp B, Seto KC (2013). Futures of global urban expansion: uncertainties and implications for biodiversity conservation. *Environ Res Lett* 8:014025. doi: 10.1088/1748-9326/8/1/014025
5. Kuroda T, Okazaki Y, Otomo A, Uchino S, Itoh T, Shimizu H (1986). Urbanization and Development in Japan. *Population and Development» Series 134*
6. McDonald RI (2008). Global urbanization: can ecologists identify a sustainable way forward? *Frontiers in Ecology and the Environment* 6:99–104. doi: 10.1890/070038
7. McDonald RI, Marcotullio PJ, Güneralp B (2013). Urbanization and Global Trends in Biodiversity and Ecosystem Services. In: Elmquist T, Fragkias M, Goodness J, Güneralp B, Marcotullio PJ, McDonald RI, Parnell S, Schewenius M, Sendstad M, Seto KC, Wilkinson C (eds) *Urbanization, Biodiversity and Ecosystem Services: Challenges and Opportunities: A Global Assessment*. Springer Netherlands, Dordrecht, pp 31–52
8. Nations U (2018). Revision of World Urbanization Prospects. In: United Nations. <https://www.un.org/en/desa/2018-revision-world-urbanization-prospects>, truy cập 13/1/2024
9. Trần Thị Lan Anh (2022). Phát triển đô thị Việt Nam - những vấn đề đặt ra trong giai đoạn tới. <https://moc.gov.vn/tl/tin-tuc/74077/phan-trien-do-thi-viet-nam-nhung-van-de-dat-ra-trong-giai-doan-toi.aspx>, truy cập 13/1/2024.
10. Trần Minh Tơn (2007). Đô thị hóa và xây dựng văn hóa đô thị Việt Nam hiện đại. *Tạp chí Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/1111/do-thi-hoa-va-xay-dung-van-hoa-do-thi-viet-nam-hien-dai.aspx>, truy cập 13/1/2024
11. Vũ Hồng Hà, Trần Thị Liên, Nguyễn Thục Anh, Nguyễn Công Minh, Phạm Minh Dương (2022). Lấn biển tại các đô thị ven biển châu Á: Thực trạng và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Môi trường* <https://tapchimoitruong.vn/nguyen-cuu-23/lan-bien-tai-cac-do-thi-ven-bien-chau-a-thuc-trang-va-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam-27125>, truy cập 13/1/2024

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thu Nhung - Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam
Địa chỉ liên hệ: A27, Số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
Email: nthunhung@gmail.com; ĐT: 098 368 2156

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 11/2/2024
Biên tập: 3/2024